

Số:/2024/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 1

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu,
ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013; Điều 8 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số..... ngày .../.../2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng liên quan đến hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới công nghệ địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

1. Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Không áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Trong Nghị quyết này, doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện của nội dung hỗ trợ nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ của nội dung đó theo quy định. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

2. Doanh nghiệp được hỗ trợ một (01) lần cho một (01) nội dung trong năm, trường hợp cùng nội dung đủ điều kiện được nhận nhiều mức hỗ trợ, doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất.

3. Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách được thực hiện cùng kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hằng năm; trình tự xây dựng kế hoạch, lập và giao dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành. Việc quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;
- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Chương II CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỤ THỂ

Mục I. Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (tối đa không quá 500 triệu đồng/đề tài, dự án/doanh nghiệp).

Điều 6. Điều kiện hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp hoạt động đúng ngành nghề đăng ký sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Có địa chỉ ứng dụng việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

2. Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Trình tự

a. Doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến đến Sở Khoa học và Công nghệ qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang.

b. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức họp xét duyệt.

c. Căn cứ kết quả họp xét của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung và mức hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp.

d. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung và mức tài chính hỗ trợ.

e. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh cho doanh nghiệp và theo dõi, giám sát, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện.

g. Sau khi kết thúc đề tài/dự án doanh nghiệp tổ chức đánh giá, nghiệm thu và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời chính sách, đơn vị đầu môi, thủ tục hành chính theo quy định.

2. Hội đồng tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp.

a. Hội đồng có từ 7-9 thành viên, trong đó: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính. Ủy viên Hội đồng là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và liên quan; đơn vị, doanh nghiệp có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp. Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là đại diện phòng chuyên môn tham mưu thực hiện chính sách (Sở Khoa học và Công nghệ).

b. Hội đồng có trách nhiệm: Xem xét, đánh giá giá trị khoa học, khả năng áp dụng của đề tài/dự án vào thực tiễn sản xuất của doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế - xã hội đề tài/dự án mang lại. Xác định nội dung, mức hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đề tài/dự án. Nội dung họp xét của Hội đồng được lập thành biên bản (Mẫu số 05).

Điều 8. Thành phần hồ sơ

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);
2. Thuyết minh đề tài (Mẫu số 02); thuyết minh dự án (Mẫu số 03);
3. Bản sao chứng thực *(đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; trực tuyến)* hoặc bản photo kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu *(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)*.
4. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Mục II. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ**Điều 9.** Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới, thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ, dây chuyền, máy móc, thiết bị đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ, dây chuyền, máy móc, thiết bị khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
2. Mức hỗ trợ thông qua hợp đồng (giá trị trên 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 15%, tối đa không quá 700 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị trên 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 20%, tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 300 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hỗ trợ đến 25%, tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp).

Điều 10. Điều kiện hỗ trợ: Các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Trình tự: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này.
2. Hội đồng tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Điều 12. Thành phần hồ sơ

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);
2. Thuyết minh về đầu tư đổi mới công nghệ (Mẫu số 04);
3. Hợp đồng chuyên giao công nghệ, mua bán máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ kèm theo hóa đơn.
4. Bản sao chứng thực bản sao chứng thực *(đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; trực tuyến)* hoặc bản photo kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu *(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)*.
5. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.
6. Bản sao chứng thực Giấy phép chuyên giao công nghệ *(đối với các công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyên giao)*.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, Kỳ họp thứthông qua ngày.....tháng.....năm 2024 và có hiệu thực thi hành từ ngày... tháng.....năm 2024.

2. Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp: Các doanh nghiệp, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị quyết số 31/2013/NQ (tính đến khi kết thúc nhiệm vụ được phê duyệt)/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

